

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lưu Thị Kim B
trình bày: Chị xây dựng gia đình với anh H vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện,

có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên năm 2017 vợ chồng đã giải quyết ly hôn tại Tòa án huyện Lâm Hà. Sau đó, do muốn cho các con có gia đình đầy đủ bố mẹ nên năm 2018 anh chị đã quay lại chung sống, năm 2020 đi đăng ký kết hôn lại và tiếp tục về chung sống với nhau. Cuộc sống chung hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H vẫn hay đi uống rượu về gây chuyện với chị, tết nguyên đán năm 2021 anh H say rượu đánh đập mẹ con chị, đuổi mẹ con chị đi về ngoại, sau đó anh H có xin lỗi nhưng chị không đồng ý quay lại vì đã nhiều lần chị cho cơ hội nhưng anh H không thay đổi. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày anh H luôn ỷ mọi công việc cho chị, không chia sẻ nên vợ chồng hay cãi nhau không có hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hòa giải gần tình cảm cho vợ chồng anh chị nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Về con chung chị B xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Thúy H1, sinh ngày 01/7/2015 và Trần Thị Thúy C, sinh ngày 09/11/2019. Khi ly hôn, chị B yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con, chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị B xác định chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Trần Hữu H trình bày: Anh xây dựng gia đình, kết hôn với chị B như chị B trình bày là đúng. Anh chị kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly hôn năm 2017. Đến năm 2018 thì vợ quay lại chung sống với nhau, đến năm 2020 đăng ký kết hôn lại. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, chị B đi làm cò đất có nhiều mối quan hệ phức tạp dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hai bên gia đình đã hàn gắn tình cảm cho vợ

chồng đã nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Nay anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên qua yêu cầu ly hôn của chị B thì anh H đồng ý. Về con chung anh H xác định vợ chồng có hai con chung như chị B trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh không đồng ý giao cả hai con cho chị B nuôi dưỡng, anh H cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con, anh H không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh H xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh H không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B, xử cho chị B được ly hôn với anh H. Về con chung: đề nghị giao cháu Trần Thị Thúy C cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thị Thúy H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H xây dựng gia đình với nhau năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/3/2020. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị B làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa, các đương sự cùng xác định thực tế chị B với anh H xây dựng gia đình với nhau từ năm

2014, có đăng ký kết hôn, do không hợp nhau nên năm 2017 các đương sự đã làm thủ tục ly hôn. Đến năm 2018 do muốn các con có gia đình đầy đủ cha mẹ nên chị với anh H lại quay lại tiếp tục chung sống với nhau và năm 2020 đăng ký kết hôn lại. Quá trình chung sống từ năm 2017 đến năm 2021 lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị B do anh H cộc cằn, thường có những lời nói, hành động xúc phạm chị, anh H còn hay uống rượu say về đánh đập chị. Còn anh H xác định do chị B đi làm cò đất có nhiều mối quan hệ phức tạp, không đúng chuẩn mực của người phụ nữ có gia đình, anh đã khuyên chị B nhiều lần nhưng chị B không nghe dẫn đến việc vợ chồng thường cãi nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị B và anh H thực chất chỉ là những bất đồng nhỏ rất bình thường trong cuộc sống nhưng do các đương sự tuổi đời còn trẻ, không thông cảm, chia sẻ được với nhau nên hay cãi nhau. Đồng thời, do các đương sự không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm và cái tôi của mỗi người quá lớn nên trong những lúc nóng giận đã có những lời nói thiếu tế nhị xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không tìm được biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng nên vợ chồng sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại nơi các đương sự sinh sống thì do vợ chồng không hợp nhau nên hay cãi nhau, các đương sự đã tự sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Do đó nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B, xử cho chị B và anh H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về con chung: Chị B và anh H có 02 con chung là Trần Thị Thúy H1, sinh ngày 01/7/2015 và Trần Thị Thúy C, sinh ngày 09/11/2019. Khi ly hôn cả hai đương sự cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con. Đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự tuy nhiên việc xem xét giao con cho bố hoặc mẹ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cần phải đảm bảo sự phát

triển toàn diện của trẻ cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng của các bên đương sự. Xét về điều kiện nuôi con thì hiện nay cả hai đương sự cùng có đủ điều kiện nuôi con, cả hai đương sự đều đi làm có thu nhập, có chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu do các đương sự xuất trình và mức thu nhập do hai bên trình bày thì nếu giao cả hai con cho một bên đương sự nuôi sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các con. Vì vậy, cần giao cháu Thúy H1 cho anh H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Chi chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự quan tâm, chăm sóc từ mẹ hơn vì vậy giao cháu Thúy C cho chị B có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lưu Thị Kim B, xử cho chị Lưu Thị Kim B và anh Trần Hữu H được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Trần Thị Thúy H1, sinh ngày 01/7/2015 cho anh Trần Hữu H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con là Trần Thị Thúy C, sinh ngày 09/11/2019 cho chị Lưu Thị Kim B

có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Lưu Thị Kim B phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003075 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị B đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Như Quỳnh